

Bản án số: 68/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 14-8-2018.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tùng Chinh

2. Ông Huỳnh Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2018/TLST-HN ngày 09 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Nha A, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin vắng mặt đề ngày 27/7/2018.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không có lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Trần Thị Nha A trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở mai mối chị và anh Lê Tấn Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M1 (nay là huyện), vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Đ cờ bạc, chơi game bắn cá dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi nhau và hàng xóm xung quanh có biết việc này. Nay chị xin được ly hôn với anh Đ vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Yến P, sinh ngày 14/4/2006 và Lê Yến N, sinh ngày 11/10/2009, hiện hai cháu đang sống với chị. Nay ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi 02 con chung và

không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện đang làm ở tổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, y tế áp và công việc khác có thu nhập hàng tháng trung bình từ 3.000.000 đến 3.5000.000 đồng nên đảm bảo nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Lê Tấn Đ trình bày:

Anh thống nhất phần trình bày của chị A về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mất hạnh phúc. Anh thừa nhận là anh có cờ bạc, gây nợ nên vào Tết âm lịch năm 2018 và chủ nợ đến nhà đòi nợ dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau. Từ đó cho đến nay anh về nhà cha mẹ ruột ở xã T sống, anh có nhiều lần về nhà vợ để hàn gắn nhưng không thành. Từ ngày Tòa hòa giải (ngày 27/4/2018) đến nay, anh có đến gặp chị A để hàn gắn nhưng chị Anh không đồng ý. Nay anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn và xin vợ cho cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Yến P, sinh ngày 14/4/2006 và Lê Yến N, sinh ngày 11/10/2009, hiện hai cháu đang sống với chị A. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi 01 con chung, cháu nào cũng được và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện làm nghề mua bán gà thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đến 6.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 04/6/2018, cháu Lê Yến N trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ vì từ nhỏ đến giờ cháu sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 27/4/2018, cháu Lê Yến P trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ vì từ nhỏ đến giờ cháu sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại Biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của anh Lê Tấn Đ và chị Trần Thị Nha A có nội dung như sau:

Sau khi kết hôn chị A và anh Đ sống cùng mẹ vợ tại ấp H, xã H1, huyện M. Trong quá trình chung sống, anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, gia đình hai bên và chị A đã khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi. Vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không chung thủy và anh Đ có hành vi chửi mắng chị A. Địa phương đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng do anh Đ không thay đổi nên chị A nộp đơn ly hôn với anh Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Nha A; Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Nha A trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Yến P, sinh ngày 14/4/2006 và Lê Yến N, sinh ngày 11/10/2009; anh Lê Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Trần Thị Nha A có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 27/7/2018 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nha A là phù hợp. Đối với bị đơn anh Lê Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trần Thị Nha A và anh Lê Tấn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Đ cờ bạc, không chung thủy, chị A đã khuyên nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Nay thấy tình cảm không còn nên chị A xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh Đ, chị A đã tồn tại hơn 10 năm, đã có với nhau hai con chung nhưng anh Đ lại không biết vun đắp tình cảm, cùng với chị A xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà lại có hành vi vi phạm pháp luật như cờ bạc và vi phạm đạo đức của một người chồng là không chung thủy với chị A làm cho chị A bị tổn thương tình cảm dẫn đến chị A đã nộp đơn xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ cho rằng anh còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị A nhưng anh lại không đưa ra được biện pháp nào thật sự thuyết phục được chị A đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Và chị A cương quyết được ly hôn với anh Đ vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Anh và anh Đạt có 02 con chung tên Lê Yến P, sinh ngày 14/4/2006 và Lê Yến N, sinh ngày 11/10/2009, hiện đang sống với chị A. Nay ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi hai con chung, đối với anh Đ có nguyện vọng được nuôi một con chung và cháu nào cũng được. Tại biên bản lấy ý kiến, cháu P và cháu N đều có nguyện vọng sống với chị A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị A, anh Đ cung cấp tài

liệu chứng cứ, chứng minh anh, chị có đủ khả năng nuôi con và chị A đã cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận thu nhập đề ngày 07/6/2018 của UBND xã H1 xác nhận chị A hiện có thu nhập hàng tháng ổn định. Mặc dù anh Đ xác định anh làm nghề mua bán gà có thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đến 6.000.000 đồng nhưng anh không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh khả năng kinh tế của anh như anh đã trình bày. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý của cháu N và cháu P nên để chị A tiếp tục nuôi hai con chung là phù hợp với quy định pháp luật đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu P. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là sự tự nguyện của chị A và hiện chị A có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con chung nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị Nha A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Nha A.

Chị Trần Thị Nha A được ly hôn với anh Lê Tấn Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Nha A trực tiếp nuôi con chung tên Lê Yến P, sinh ngày 14/4/2006 và Lê Yến N, sinh ngày 11/10/2009; anh Lê Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Nha A không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị A, anh Đ Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí:*

Chị Trần Thị Nha A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T (42, 01/2005)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang

